BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4026 /QĐ-ĐHQN

Bình Định, ngày 21 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp trợ cấp xã hội đối với sinh viên hệ chính quy năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quy Nhơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 29/3/2024 của Hội đồng Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với HSSV các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 53/1998/TT-LT/BGD&ĐT-BTC-BLĐ-TB&XH ngày 25 tháng 8 năm 1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg, ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ v/v điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập theo quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Đơn xin hưởng trợ cấp xã hội năm 2024 của sinh viên hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Công tác chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp trợ cấp xã hội cho 213 sinh viên hệ chính quy *(có danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Trợ cấp xã hội được cấp 6 tháng (từ tháng 7/2024 đến tháng 12/2024) đối với sinh viên các khóa 44, 45, 46; cấp 4 tháng (từ tháng 9/2024 đến tháng 12/2024) đối với sinh viên khóa 47.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Phòng: Công tác chính trị - Sinh viên, Kế hoạch - Tài chính, Đào tạo đại học; Trưởng các Khoa/Bộ môn và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- PHT. Đinh Anh Tuấn (để chỉ đạo thực hiện);
- Lưu: VT, CTCTSV.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

PGS.TS. Đoàn Đức Tùng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TRỢ CẤP XÃ HỘI

(kèm theo Quyết định số 4026 /QĐ-ĐHQN, ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Trường Đại học Quy Nhơn)

Thời gian nhận: từ tháng 07/2024 đến tháng 12/2024 đối với sinh viên khóa 44, 45, 46

Thời gian nhận: từ tháng 09/2024 đến tháng 12/2024 đối với sinh viên khóa 47

TT	Khoá	Tên ngành	Lớp	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	GT	DT	ĐT hưởng TC	Mức tiền/ tháng	Số tháng nhận	Tổng tiền nhận	Ghi chú
1	44	Công nghệ thông tin	A	4451050306	Lê Ngọc	Quý	15/08/1997	Nam	Vân Kiều	DTVC	140.000	6	840.000	
2	44	Công nghệ thông tin	D	4451050679	Rah Lan	Nganh	10/02/2003	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
3	44	Công nghệ thông tin	F	4451051124	Ksor H'	Ngọc	22/08/2003	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
4	44	Quản lý đất đai		4452030206	Nguyễn Y Hoài	Ni	06/03/2003	Nữ	Dẻ	DTVC	140.000	6	840.000	
5	44	Quản lý đất đai		4452030247	Quảng Nữ Trí	Tuệ	13/11/2003	Nữ	Chăm	DTVC	140.000	6	840.000	
6	44	Quản trị kinh doanh	E	4454011450	Lầu Văn	Páo	15/06/2001	Nam	Hmông	DTVC	140.000	6	840.000	
7	44	Quản trị kinh doanh	G	4454011559	Nay Sa	Ra	30/10/2002	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
8	44	Kinh tế		4454030116	Hồ Thị	Phượng	01/01/2003	Nữ	Co	DTVC	140.000	6	840.000	
9	44	Kế toán	C	4454040487	H'Giang Min	Mlô	08/04/2003	Nữ	Ê Đê	DTVC	140.000	6	840.000	
10	44	Công tác xã hội		4456080218		Bel	15/03/2003	Nam	Ba Na	DTVC	140.000	6	840.000	
11	44	Công tác xã hội		4456080104	Rah Lan H'	Chang	02/05/2003	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
12	44	Công tác xã hội		4456080035	Siu H' Ngọc	Hà	10/08/2003	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
13	44	Công tác xã hội		4456080158	Cao Thị Quỳnh	Na	20/10/2003	Nữ	Ra-Glay	DTVC	140.000	6	840.000	
14	44	Công tác xã hội		4456080162	Ksor H'	Ngơn	05/11/2003	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
15	44	Công tác xã hội		4456080228	Puih H'	Thư	13/01/2003	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
16	44	Công tác xã hội		4456080092	Rơ Châm	Uyn	10/07/2001	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
17	44	Quản lý nhà nước		4456100169	Ra Lan H'	Biên	14/07/2001	Nữ	Jrai	DT TtVC	140.000	6	840.000	

TT	Khoá	Tên ngành	Lớp	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	GT	DT	ĐT hưởng TC	Mức tiền/ tháng	Số tháng nhận	Tổng tiền nhận	Ghi chú
18	44	Quản lý nhà nước		4456100123	Rơ Mah	Byíu	10/10/2001	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
19	44	Quản lý nhà nước		4456100218	Đinh Thị	Đêu	10/02/2003	Nữ	Ba Na	DTVC	140.000	6	840.000	
20	44	Quản lý nhà nước		4456100145	A	Hân	30/01/2003	Nam	Dẻ	DTVC	140.000	6	840.000	
21	44	Quản lý nhà nước		4456100126	Hà Thị Xuân	Huyền	19/01/2003	Nữ	Thái	DTVC	140.000	6	840.000	
22	44	Quản lý nhà nước		4456100127	Rcom	Khuyên	12/09/2003	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
23	44	Quản lý nhà nước		4456100274	Hồ Thị	Nhi	15/11/2003	Nữ	Xê Đăng	DTVC	140.000	6	840.000	
24	44	Quản lý nhà nước		4456100295	Kpuih	Quốc	04/04/2001	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
25	44	Quản lý nhà nước		4456100174	Y	Sáo	11/10/2002	Nữ	Dẻ	DTVC	140.000	6	840.000	
26	44	Quản lý nhà nước		4456100308	Rơ Mah	Sini	26/09/2003	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
27	44	Quản lý nhà nước		4456100080	Cao Thị Minh	Thấp	21/06/2003	Nữ	Ra-Glay	DTVC	140.000	6	840.000	
28	44	Quản lý nhà nước		4456100339	Y	Trà	18/04/2003	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
29	44	Quản lý nhà nước		4456100349	Nay H'	Uynh	09/03/2003	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
30	44	Quản lý nhà nước		4456100382	Ksor	Xuyên	10/03/2002	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
31	44	Quản lý giáo dục		4456110051	Nay Ring	Gô	28/01/2003	Nam	Jrai	DT TxVC	140.000	6	840.000	
32	44	Luật	A	4456120514	Y Sih	Mlô	27/04/2003	Nam	Ê Đê	DTVC	140.000	6	840.000	
33	44	Luật	A	4456120133		Nhai	27/01/2003	Nữ	Jrai	DT TpVC	140.000	6	840.000	
34	44	Luật	A	4456120713	Ksor	Sư	16/07/2001	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
35	44	Luật	A	4456120354	Hiao H'	Vân	10/03/2002	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
36	44	Luật	B	4456120492	Siu	Khu	07/11/2002	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
37	44	Luật	B	4456120561	Kpă Da	Ni	21/01/2003	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
38	44	Luật	B	4456120540	Siu H'	Nguyệt	15/10/2003	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	

TT	Khoá	Tên ngành	Lớp	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	GT	DT	ĐT hưởng TC	Mức tiền/ tháng	Số tháng nhận	Tổng tiền nhận	Ghi chú
39	44	Luật	B	4456120408	Phạm Thanh	Quân	03/06/2003	Nam	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
40	44	Ngôn ngữ Anh	D	4457510479	H'	Sra	15/10/2003	Nữ	Mnông	DTVC	140.000	6	840.000	
41	44	Ngôn ngữ Anh	E	4457510910	A	Xuyên	19/09/2003	Nam	Rơ Ngao	DT TpVC	140.000	6	840.000	
42	44	Ngôn ngữ Trung Quốc	A	4457520095	Đinh Thị	Kỳ	22/05/2002	Nữ	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
43	44	Ngôn ngữ Trung Quốc	C	4457520520	Ksor H'	Kiêm	29/08/2003	Nữ	Jrai	DT TxVC	140.000	6	840.000	
44	44	Giáo dục Tiểu học	B	4459010614	K'Sor H'	Quỳnh	13/02/2003	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
45	44	Giáo dục Thể chất		4459020030	Ksơr Y	Phong	16/05/2002	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
46	45	Công nghệ thông tin	D	4551050189	Y Thảo	Tâm	10/04/2004	Nữ	Sơ Rá	DTVC	140.000	6	840.000	
47	45	Quản lý đất đai		4552030025	Liêu Văn	Khoa	07/02/2004	Nam	Nùng	DTVC	140.000	6	840.000	
48	45	Quản lý tài nguyên và môi trường		4552060037	Cao Thị Như	Thuyên	24/09/2004	Nữ	Ra-glay	DTVC	140.000	6	840.000	
49	45	Nông học		4553030018	Kpuih	Điều	19/11/2004	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
50	45	Quản trị kinh doanh	A	4554010088	Y Vũ	Loan	14/11/2004	Nữ	Xơ đăng	DTVC	140.000	6	840.000	
51	45	Kế toán	A	4554040042	Ksor H'	Hanh	19/08/2004	Nữ	Gia Rai	DTVC	140.000	6	840.000	
52	45	Kế toán	A	4554040223	Nguyễn Thị	Thuỷ	25/01/2004	Nữ	Tày	DTVC	140.000	6	840.000	
53	45	Kế toán	D	4554040156	Trần Thị Minh	Nhàn	11/10/2002	Nữ		Mồ côi	100.000	6	600.000	
54	45	Văn học		4556060040	Rah Lan H'	E	26/10/2001	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
55	45	Văn học		4556060006	Đinh Thị	Hoanh	19/10/2004	Nữ	Ba na	DTVC	140.000	6	840.000	
56	45	Công tác xã hội		4556080006	Sô Thị Lệ	Châu	27/02/2004	Nữ	Chăm	DTVC	140.000	6	840.000	
57	45	Công tác xã hội		4556080010	H'	Dân	17/04/2004	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
58	45	Công tác xã hội		4556080018	Đinh Thị Mỹ	Hạnh	20/05/2004	Nữ	Ba Na	DTVC	140.000	6	840.000	
59	45	Công tác xã hội		4556080020	Rơ Lan	Huệ	28/02/2004	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	

TT	Khoá	Tên ngành	Lớp	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	GT	DT	ĐT hưởng TC	Mức tiền/ tháng	Số tháng nhận	Tổng tiền nhận	Ghi chú
60	45	Công tác xã hội		4556080026	Niê Hờ	Luyên	26/12/2003	Nữ	Ê đê	DTVC	140.000	6	840.000	
61	45	Công tác xã hội		4556080032	Đinh Thị Lan	Như	29/08/2004	Nữ	Ba Na	DTVC	140.000	6	840.000	
62	45	Công tác xã hội		4556080088	Rơ Ô H'	Phia	12/07/2004	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
63	45	Công tác xã hội		4556080043	Y Mi	Rê	29/05/2004	Nữ	Giẻ Triêng	DTVC	140.000	6	840.000	
64	45	Việt Nam học		4556090009	Rơ Lan H'	Kiều	12/05/2004	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
65	45	Quản lý nhà nước		4556100090	H Nương Dak	Căt	01/01/2003	Nữ	Mnông	DTVC	140.000	6	840.000	
66	45	Quản lý nhà nước		4556100007	Rcom	Dan	10/06/2004	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
67	45	Quản lý nhà nước		4556100011	Nguyễn Thanh	Giang	08/12/2004	Nam	Ca Dong	DTVC	140.000	6	840.000	
68	45	Quản lý nhà nước		4556100015	Ca Thị My	Hạnh	31/10/2004	Nữ	Ra-glay	DTVC	140.000	6	840.000	
69	45	Quản lý nhà nước		4556100022	Ksor	Kang	03/07/2004	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
70	45	Quản lý nhà nước		4556100024	Hồ Quốc	Khánh	02/09/2004	Nam	Co	DTVC	140.000	6	840.000	
71	45	Quản lý nhà nước		4556100028	Niê Lê Thị Thuỳ	Linh	22/10/2004	Nữ	Ê đê	DTVC	140.000	6	840.000	
72	45	Quản lý nhà nước		4556100030	Nay H'	Luy	21/05/2004	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
73	45	Quản lý nhà nước		4556100031	Đinh Thị	Mach	30/12/2004	Nữ	Ba Na	DTVC	140.000	6	840.000	
74	45	Quản lý nhà nước		4556100043	Ksor H'	Nuối	10/09/2004	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
75	45	Quản lý nhà nước		4556100040	Ksor H'	Nhuen	04/03/2004	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
76	45	Quản lý nhà nước		4556100041	Đinh Thị	Nhung	03/02/2004	Nữ	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
77	45	Quản lý nhà nước		4556100047	Đinh	Pyôn	24/06/2004	Nam	Ba Na	DTVC	140.000	6	840.000	
78	45	Quản lý nhà nước		4556100051	Rơ Com H'	Quyên	28/12/2004	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
79	45	Quản lý nhà nước		4556100052	Rơ Châm H'	Rin	27/06/2003	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
80	45	Quản lý nhà nước		4556100066	A	Tôn	03/06/2004	Nam	Xơ đăng	DTVC	140.000	6	840.000	

TT	Khoá	Tên ngành	Lớp	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	GT	DT	ĐT hưởng TC	Mức tiền/ tháng	Số tháng nhận	Tổng tiền nhận	Ghi chú
81	45	Quản lý nhà nước		4556100057	A	Thấy	26/02/2004	Nam	Ha Lăng	DTVC	140.000	6	840.000	
82	45	Quản lý nhà nước		4556100069	Nguyễn Rah Lan Tuyết	Trinh	14/06/2004	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
83	45	Quản lý nhà nước		4556100074	Phạm Thị	Trúc	12/12/2004	Nữ	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
84	45	Quản lý nhà nước		4556100095	Hà Cao Vĩnh	Trung	25/07/2003	Nam	Ra-glay	DTVC	140.000	6	840.000	
85	45	Quản lý nhà nước		4556100079	Ksor H'	Ươ	25/03/2004	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
86	45	Quản lý nhà nước		4556100081		Va	01/01/2004	Nữ	Ba na	DTVC	140.000	6	840.000	
87	45	Quản lý nhà nước		4556100082	Phạm Thị Thuý	Vân	22/02/2004	Nữ	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
88	45	Quản lý nhà nước		4556100086	Đinh Thị	Xuyến	17/01/2004	Nữ	Ba Na	DTVC	140.000	6	840.000	
89	45	Quản lý giáo dục		4556110001	Lê Thị Ngọc	Ánh	20/05/2004	Nữ	Chăm	DTVC	140.000	6	840.000	
90	45	Quản lý giáo dục		4556110018	Ksor H'	Loang	03/03/2003	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
91	45	Quản lý giáo dục		4556110030	Nay	Minh	07/03/2004	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
92	45	Quản lý giáo dục		4556110015	Y Hồng	Vân	02/04/2004	Nữ	Xơ đăng	DTVC	140.000	6	840.000	
93	45	Luật	A	4556120044	Đinh	Hình	10/03/2004	Nữ	Ba na	DTVC	140.000	6	840.000	
94	45	Luật	A	4556120089	Rơ Mah	Mun	20/10/2001	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
95	45	Luật	B	4556120053	Kpă H'	Huyêt	08/06/2004	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
96	45	Luật	B	4556120101	Ksơr H'	Ne	08/09/2004	Nữ	Gia Rai	DTVC	140.000	6	840.000	
97	45	Luật	B	4556120132	Nay	Phrăng	27/03/2004	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
98	45	Luật	C	4556120031	Hiao	Đơn	15/08/2004	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
99	45	Luật	C	4556120097	Lương Hữu	Nam	02/02/2004	Nam	Nùng	DTVC-Mồ côi	140.000	6	840.000	
100	45	Ngôn ngữ Anh	A	4557510044	Đinh Thị	Đuol	12/04/2004	Nữ	Ba Na	DTVC	140.000	6	840.000	
101	45	Ngôn ngữ Anh	A	4557510144	Rmah H'	Ngân	23/04/2004	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	

TT	Khoá	Tên ngành	Lớp	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	GT	DT	ĐT hưởng TC	Mức tiền/ tháng	Số tháng nhận	Tổng tiền nhận	Ghi chú
102	45	Ngôn ngữ Anh	D	4557510022	Nay	Biên	27/03/2004	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
103	45	Ngôn ngữ Anh	E	4557510067	Niê H -	Hiếu	14/06/2004	Nữ	Ê đê	DTVC	140.000	6	840.000	
104	45	Ngôn ngữ Anh	E	4557510147	Y	Ngi	05/02/2004	Nữ	Rơ Ngao	DTVC	140.000	6	840.000	
105	45	Ngôn ngữ Trung		4557520018	Hoàng Thu	Liên	20/12/2004	Nữ	Nùng	DTVC	140.000	6	840.000	
106	45	Ngôn ngữ Trung		4557520040	Hoàng Thị	Phương	31/05/2004	Nữ	Nùng	DTVC	140.000	6	840.000	
107	45	Ngôn ngữ Trung		4557520065	Đinh Thị	Vân	18/03/2004	Nữ	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
108	45	Giáo dục Tiểu học	A	4559010078	H'	Vân	28/10/2004	Nữ	Gia Rai	DTVC	140.000	6	840.000	
109	45	Giáo dục Tiểu học	B	4559010140	Rơ Châm	Noa	28/09/2004	Nữ	Gia Rai	DTVC	140.000	6	840.000	
110	45	Giáo dục Mầm non	A	4559030031	Rơ Ô H'	Jrim	12/01/2004	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
111	45	Giáo dục Mầm non	A	4559030065	Hiao H'	Nhũy	02/08/2004	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
112	45	Giáo dục Mầm non	B	4559030093	Puih H'	Thưch	26/11/2004	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
113	46	Công nghệ thông tin	A	4651050092	K' Sor H'	Hũm	06/04/2005	Nữ	Gia Rai	DTVC	140.000	6	840.000	
114	46	Công nghệ thông tin	C	4651050161	Y - Kyly -	Mlô	07/04/2005	Nam	Ê đê	DTVC	140.000	6	840.000	
115	46	Công nghệ thông tin	C	4651050312	Siu Y	Tuyên	11/07/2004	Nam	Gia Rai	DTVC	140.000	6	840.000	
116	46	Công nghệ thông tin	D	4651050301	Nay Ka	Tu	10/10/2005	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
117	46	Kỹ thuật điện tử - viễn thông		4651180066	Nay	Trâm	04/08/2003	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
118	46	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A	4651300177	Siu	Duẩn	01/06/2005	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
119	46	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A	4651300104	Rơ Mah	Phu	04/06/2004	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
120	46	Quản lý đất đai	B	4652030103	Hồ Thị Thu	Nam	26/06/2005	Nữ	Co	DTVC	140.000	6	840.000	
121	46	Nông học		4653030025	A Prô	Điệp	29/03/2005	Nam	Xơ đăng	DTVC	140.000	6	840.000	
122	46	Nông học		4653030012	Nay	Nghia	13/08/2004	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	

TT	Khoá	Tên ngành	Lớp	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	GT	DT	ĐT hưởng TC	Mức tiền/ tháng	Số tháng nhận	Tổng tiền nhận	Ghi chú
123	46	Quản trị kinh doanh	D	4654010086	Lý Thị Xuân	Hương	01/09/2005	Nữ	Hmông	DTVC	140.000	6	840.000	
124	46	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A	4654060042	Rah Lan	Lêk	07/08/2005	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
125	46	Quản trị khách sạn	A	4654070184	Siu H'	Yến	25/10/2005	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
126	46	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	B	4654090157	Ksor H'	Luyên	04/12/2005	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
127	46	Tâm lý học giáo dục		4656050068	Y	Hạnh	17/11/2005	Nữ	Xơ đăng	DTVC	140.000	6	840.000	
128	46	Công tác xã hội		4656080009	Mấu Thị Ngọc	Đào	17/01/2005	Nữ	Ra-glay	DTVC	140.000	6	840.000	
129	46	Công tác xã hội		4656080077	Đinh Thị	Hồng	08/04/2003	Nữ	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
130	46	Công tác xã hội		4656080016	Đinh Minh	Huỳnh	23/05/2005	Nam	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
131	46	Công tác xã hội		4656080024	Kpă	Lưk	09/10/2003	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
132	46	Công tác xã hội		4656080025	Đinh Thị Thu	My	11/01/2005	Nữ	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
133	46	Công tác xã hội		4656080028	Đinh Thị	Ngân	11/11/2005	Nữ	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
134	46	Công tác xã hội		4656080034	Cao Thị Quỳnh	Nhi	16/05/2005	Nữ	Ra-glay	DTVC	140.000	6	840.000	
135	46	Công tác xã hội		4656080104	Phạm Tiến	Quần	25/01/2005	Nam	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
136	46	Công tác xã hội		4656080048	Mấu Hữu	Thắng	08/08/2005	Nam	Ra-glay	DTVC	140.000	6	840.000	
137	46	Quản lý nhà nước		4656100127	H Linh Na	Byă	29/09/2004	Nữ	Mnông	DTVC	140.000	6	840.000	
138	46	Quản lý nhà nước		4656100006	Y Linh	Diệp	01/02/2005	Nữ	Sơ Rá	DTVC	140.000	6	840.000	
139	46	Quản lý nhà nước		4656100007	Nay	Dung	02/04/2004	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
140	46	Quản lý nhà nước		4656100012	Kpuih	Đông	24/01/2005	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
141	46	Quản lý nhà nước		4656100014	Phạm Trường	Giang	20/07/2005	Nam	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
142	46	Quản lý nhà nước		4656100017		Hel	17/07/2005	Nữ	Ba Na	DTVC	140.000	6	840.000	
143	46	Quản lý nhà nước		4656100018	Đinh Thị	Hiền	14/02/2005	Nữ	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	

TT	Khoá	Tên ngành	Lớp	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	GT	DT	ĐT hưởng TC	Mức tiền/ tháng	Số tháng nhận	Tổng tiền nhận	Ghi chú
144	46	Quản lý nhà nước		4656100028	Đinh Quang	Hợp	23/03/2005	Nam	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
145	46	Quản lý nhà nước		4656100041	Kpă	Liên	10/08/2004	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
146	46	Quản lý nhà nước		4656100042	Đinh Thị	Liễu	04/08/2005	Nữ	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
147	46	Quản lý nhà nước		4656100046	Đinh Thị	May	14/12/2005	Nữ	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
148	46	Quản lý nhà nước		4656100063	Đinh Thị	Nina	07/10/2005	Nữ	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
149	46	Quản lý nhà nước		4656100069	Đinh Thị	Phước	29/03/2005	Nữ	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
150	46	Quản lý nhà nước		4656100070	Hiao H'	Quy	11/09/2005	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
151	46	Quản lý nhà nước		4656100073	Hiao H' Ly	Sa	27/07/2005	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
152	46	Quản lý nhà nước		4656100074	Ksor H'	Sach	21/09/2005	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
153	46	Quản lý nhà nước		4656100078	Rčom	Soly	19/06/2005	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
154	46	Quản lý nhà nước		4656100132	Đinh Văn	Thế	28/06/2003	Nam	Ba Na	DTVC	140.000	6	840.000	
155	46	Quản lý nhà nước		4656100087	Đinh Thị	Thi	04/10/2004	Nữ	Ba Na	DTVC	140.000	6	840.000	
156	46	Quản lý nhà nước		4656100093	A Mạnh	Thuần	08/05/2005	Nam	Xơ đăng	DTVC	140.000	6	840.000	
157	46	Quản lý nhà nước		4656100112	Phạm Thị	Tro	20/02/2005	Nữ	Hrê	DTVC	140.000	6	840.000	
158	46	Quản lý nhà nước		4656100122	Đinh Thị	Xuyên	06/08/2005	Nữ	Ba Na	DTVC-Mồ côi	140.000	6	840.000	
159	46	Quản lý nhà nước		4656100123	Đinh Thị	Yao	03/12/2005	Nữ	Ba Na	DTVC	140.000	6	840.000	
160	46	Quản lý giáo dục		4656110021	Nguyễn Y Ly	Na	04/03/2005	Nữ	Dẻ	DTVC	140.000	6	840.000	
161	46	Quản lý giáo dục		4656110060	Siu H'	Yip	06/04/2005	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
162	46	Luật	A	4656120036	H'	Dinh	20/10/2004	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
163	46	Luật	A	4656120080	Rơ Châm	Luật	23/10/2005	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
164	46	Luật	A	4656120086	H Vi Na	Mlô	20/02/2005	Nữ	Ê đê	DTVC	140.000	6	840.000	

TT	Khoá	Tên ngành	Lớp	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	GT	DT	ĐT hưởng TC	Mức tiền/ tháng	Số tháng nhận	Tổng tiền nhận	Ghi chú
165	46	Luật	A	4656120143	Nay	Sơm	03/11/2001	Nam	Jrai	DTVC	140.000	6	840.000	
166	46	Luật	C	4656120129	Đinh Xuân	Phin	10/10/2004	Nam	Ba Na	DTVC	140.000	6	840.000	
167	46	Đông phương học	B	4656130051	Y	Ngão	06/09/2005	Nữ	Rơ Măm	DTVC	140.000	6	840.000	
168	46	Ngôn ngữ Anh	B	4657510109	Đỗ Thị	Lan	19/08/2005	Nữ		Mồ côi	100.000	6	600.000	
169	46	Ngôn ngữ Anh	B	4657510188		Nom	01/03/2005	Nữ	Ba Na	DTVC	140.000	6	840.000	
170	46	Ngôn ngữ Anh	E	4657510046	Rlan	Gir	02/03/2001	Nữ	Gia Rai	DTVC	140.000	6	840.000	
171	46	Ngôn ngữ Anh	F	4657510172	Pi Năng Thị Thu	Nhi	26/01/2005	Nữ	Ra-glay	DTVC	140.000	6	840.000	
172	46	Ngôn ngữ Trung Quốc		4657520032	H Uyên	Niê	04/05/2005	Nữ	Ê đê	DTVC	140.000	6	840.000	
173	46	Ngôn ngữ Trung Quốc		4657520023	Lục Thị	Nhàn	01/07/2005	Nữ	Nùng	DTVC	140.000	6	840.000	
174	46	Sư phạm Khoa học tự nhiên	C	4658010060	Đinh Thị Mỹ	Linh	21/02/2004	Nữ	Ba Na	DTVC	140.000	6	840.000	
175	47	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	B	4751300133	Nguyễn Minh	Quyền	15/09/2006	Nam		Mồ côi	100.000	4	400.000	
176	47	Quản lý đất đai	B	4752030137	Đinh Thị	Tâm	01/11/2006	Nữ	Hrê	DTVC	140.000	4	560.000	
177	47	Quản lý tài nguyên và môi trường	A	4752060006	Đinh Quốc	Duy	12/06/2006	Nam	Hrê	DTVC	140.000	4	560.000	
178	47	Quản lý tài nguyên và môi trường	A	4752060032	Đinh Thị	Lệ	27/04/2006	Nữ	Ba Na	DTVC	140.000	4	560.000	
179	47	Kinh tế	A	4754030031	Đinh Văn	Hùng	27/05/2006	Nam	Hrê	DTVC	140.000	4	560.000	
180	47	Kinh tế	A	4754030115	Đinh A	Triêng	08/05/2005	Nam	Ba Na	DTVC	140.000	4	560.000	
181	47	Công tác xã hội		4756080091	Nay H' Li	Sa	22/01/2006	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	4	560.000	
182	47	Quản lý nhà nước	A	4756100008	Đinh Văn	Bằng	14/01/2006	Nam	Ba Na	DTVC	140.000	4	560.000	
183	47	Quản lý nhà nước	A	4756100012	Đinh Zuki Won	Bin	30/05/2006	Nam	Ba na	DTVC	140.000	4	560.000	
184	47	Quản lý nhà nước	A	4756100018	Kpă	Duyên	27/04/2006	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	4	560.000	
185	47	Quản lý nhà nước	A	4756100028	Đinh Thị	Guen	15/08/2006	Nữ	Ba na	DTVC	140.000	4	560.000	

TT	Khoá	Tên ngành	Lớp	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	GT	DT	ĐT hưởng TC	Mức tiền/ tháng	Số tháng nhận	Tổng tiền nhận	Ghi chú
186	47	Quản lý nhà nước	A	4756100026	Đinh Thị	Giang	11/01/2006	Nữ	Ba na	DTVC	140.000	4	560.000	
187	47	Quản lý nhà nước	A	4756100027	Phạm Thị	Giang	23/02/2006	Nữ	Hrê	DTVC	140.000	4	560.000	
188	47	Quản lý nhà nước	A	4756100037	Đinh	Hoàng	06/08/2003	Nam	Ba na	DTVC	140.000	4	560.000	
189	47	Quản lý nhà nước	A	4756100044	Đinh	Hương	07/01/2006	Nữ	Ba na	DTVC	140.000	4	560.000	
190	47	Quản lý nhà nước	A	4756100045	H' Hiền	Hwing	01/01/2006	Nữ	Ê đê	DTVC	140.000	4	560.000	
191	47	Quản lý nhà nước	A	4756100051	Rơ Ô	Kiệt	08/12/2005	Nam	Jrai	DTVC	140.000	4	560.000	
192	47	Quản lý nhà nước	A	4756100054	Đinh Thị Bích	Loan	15/10/2006	Nữ	Ba na	DTVC	140.000	4	560.000	
193	47	Quản lý nhà nước	A	4756100058	Ksor Hơn	Ly	25/04/2006	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	4	560.000	
194	47	Quản lý nhà nước	A	4756100066	Hồ Thị	Na	28/02/2006	Nữ	Co	DTVC	140.000	4	560.000	
195	47	Quản lý nhà nước	A	4756100071	Siu H' Minh	Nguyệt	12/03/2006	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	4	560.000	
196	47	Quản lý nhà nước	A	4756100074	Đinh	Nhi	10/09/2006	Nữ	Ba na	DTVC	140.000	4	560.000	
197	47	Quản lý nhà nước	A	4756100092	Kpă Siu	Phước	19/12/2001	Nam	Jrai	DTVC	140.000	4	560.000	
198	47	Quản lý nhà nước	B	4756100098	Y	Quyênh	26/03/2006	Nữ	Xơ Đăng	DTVC	140.000	4	560.000	
199	47	Quản lý nhà nước	B	4756100103		San	18/05/2006	Nữ	Ba na	DTVC	140.000	4	560.000	
200	47	Quản lý nhà nước	B	4756100105		Sân	07/06/2006	Nam	Ba Na	DTVC	140.000	4	560.000	
201	47	Quản lý nhà nước	B	4756100106	Phạm Thị	Sen	29/09/2006	Nữ	Hrê	DTVC	140.000	4	560.000	
202	47	Quản lý nhà nước	B	4756100110		Tam	10/03/2006	Nữ	Ba na	DTVC	140.000	4	560.000	
203	47	Quản lý nhà nước	B	4756100122	Y	Thuỷ	01/07/2006	Nữ	Rơ Ngao	DTVC	140.000	4	560.000	
204	47	Quản lý nhà nước	B	4756100147	Rơ Châm	Vân	07/12/2006	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	4	560.000	
205	47	Quản lý nhà nước	B	4756100150	Siu	Xiết	09/11/2005	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	4	560.000	
206	47	Luật	A	4756120114	Kpă H'	Nhang	06/06/2006	Nữ	Jrai	DTVC	140.000	4	560.000	

TT	Khoá	Tên ngành	Lớp	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	GT	DT	ĐT hưởng TC	Mức tiền/ tháng	Số tháng nhận	Tổng tiền nhận	Ghi chú
207	47	Luật	B	4756120022	Cadá Thị	Duyên	15/09/2006	Nữ	Ra-glay	DTVC	140.000	4	560.000	
208	47	Luật	C	4756120041	Ksor	Hấu	22/12/2006	Nam	Gia Rai	DTVC	140.000	4	560.000	
209	47	Luật	C	4756120169	Phạm Văn	Thiết	30/11/2006	Nam	Hrê	DTVC	140.000	4	560.000	
210	47	Đông phương học	B	4756130143	Đinh Thị	Xanh	13/07/2006	Nữ	Ba na	DTVC	140.000	4	560.000	
211	47	Ngôn ngữ Anh	C	4757510090	Trần Vũ	Hoàng	26/10/2006	Nam		Mồ côi	100.000	4	400.000	
212	47	Ngôn ngữ Anh	C	4757510112	A Ân	Khôi	27/03/2005	Nam	Dẻ	DTVC	140.000	4	560.000	
213	47	Ngôn ngữ Anh	D	4757510287	Y	Trâm	29/12/2006	Nữ	Rơ Ngao	DTVC	140.000	4	560.000	
TỔNG CỘNG													**145.680.000**	

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng

Ấn định danh sách này gồm có 213 sinh viên

Bình Định, ngày 21 tháng 11 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đào Phương Hoa

TP. CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ - SINH VIÊN

ThS. Cao Kỳ Nam

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

PGS.TS. Đoàn Đức Tùng